TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-02-2023
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thông

2. Bà Phạm Thị Hồng Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Tây - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (số B đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 628/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 424/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Trần Quốc B**, sinh năm 1975

Địa chỉ: số B đường L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1983

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ: số 162-16 Booth Memorial Avenue Queens, NY 11365, Hoa Kỳ.

(Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – ông Trần Quốc B trình bày:

Năm 2019, ông Trần Quốc B và bà Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn và đăng ký theo Giấy chứng nhận kết hôn số 85 ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc, sau đó không lâu thì bà H trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc nên cả hai không có cuộc sống vợ chồng đã hơn hai năm; thời gian đầu khi bà H mới về Hoa Kỳ, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng dần dần cả hai không có sự chia sẻ, cảm thông dẫn đến xảy ra mâu thuẫn. Bên cạnh đó, do khoảng cách địa lý quá xa nên ông B và bà H không có thời gian quan tâm, chăm sóc cho nhau làm cho tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Ông B cho rằng không thể tiếp tục đời sống vợ chồng với bà H nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Cả hai không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai đề ngày 09/01/2023 (đã được Lãnh sự quán nước Cộng hòa X tại N, Hoa Kỳ chứng thực lãnh sự ngày 09/01/2023), bị đơn – bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Quốc B tự nguyện kết hôn và đăng ký theo Giấy chứng nhận kết hôn số 85 ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc; do công việc nên sau đó không lâu bà H trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc nên vợ chồng không có điều kiện ở gần bên nhau, không có sự chia sẻ, cảm thông nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; hiện nay bà H đang có việc làm ổn định ở Hoa Kỳ, còn ông B ở Việt Nam nên vợ chồng không có thời gian quan tâm, chăm sóc cho nhau làm cho tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông B.

Về con chung: Cả hai không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Trần Quốc B và bà Nguyễn Thị H là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn có nơi cư trú tại Hoa Kỳ nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, sau khi cung cấp lời khai và trình bày ý kiến, nguyên đơn – ông Trần Quốc B và bị đơn – bà Nguyễn Thị H đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 85 ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Quốc B và bà Nguyễn Thị H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn - ông Trần Quốc B và bị đơn - bà Nguyễn Thị H thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, sau đó không lâu bà H trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, vợ chồng mỗi người ở một nơi nên không có sự chia sẻ, cảm thông, khi xảy ra mâu thuẫn thì không tìm được tiếng nói chung, dần dần mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bên cạnh đó, hiện cả hai đang sinh sống và làm việc ở hai đất nước khác nhau nên khó có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả ông B và bà H đều đồng ý ly hôn để ổn định cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống chung giữa ông B và bà H không thể kéo dài, việc ly hôn là cần thiết, là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Ông B và bà H đều khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông B và bà H khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn – ông Trần Quốc B phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – ông Trần Quốc B.

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Trần Quốc B được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Trần Quốc B phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2021/0003616 ngày 02/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông B không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Trần Quốc B được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Thành Thông	**Phạm Thị Hồng Hương**
	Đặng Thị Bích Loan